TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------o0o-------

Bản án số: 24/2021/DS - ST
Ngày: 13/8/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đấu và bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Yến – cán bộ Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kiều Trang – Kiểm sát viên

Ngày 13/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST – DS ngày 13/01/2021 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39 ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hoàng P, sinh năm 1985; Địa chỉ: khối 13, phường Q, thành phố V, tỉnh N; Có mặt.

- *Bị đơn:* + Ông Trần Quốc A, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 181, Ngõ 4, đường Đ, khối 3, phường C, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị Hằng, sinh năm 1994 Địa chỉ: số 181, Ngõ 4, đường Đ, khối 3, phường C, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H): Ông Phạm Thế H, sinh năm 1991; Địa chỉ: khối Q, phường H, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/4/2018, ông Đặng Hoàng P có đặt mua của ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H là chủ cửa hàng điện thoại Spades Mobil có địa chỉ tại 96 Nguyễn Thái Học, thành phố Vinh 10 chiếc điện thoại Iphone 8 nguyên hộp chưa sử dụng với số tiền là 100.000.000 đồng và đã thanh toán đầy đủ số tiền trên, hẹn sẽ giao máy điện thoại trong vòng 30 ngày. Hai bên có viết giấy mua bán và ông Trần Quốc A và

bà Hoàng Thị H có ký vào. Hết thời hạn trên, ông A và bà H không giao máy điện thoại cho tôi cũng không trả lại số tiền tôi đã thanh toán.

Đến tháng 4/2019, ông A có gặp và đồng ý thanh toán cho ông P mỗi tháng 3 đến 5 triệu đồng. Tính từ tháng 4/2018 đến tháng 5/2020, ông A đã thanh toán được 31.400.000 đồng. Sau đó ông A và bà H không thanh toán thêm.

Hiện nay, ông P yêu cầu ông A và bà H phải thanh toán số tiền gốc còn thiếu là 68.600.000 đồng cùng số tiền lãi kể từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn là ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H(Ông Phạm Thế H) vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà Hoàng Thị H và ông Đặng Hoàng P có mối quan hệ quen biết nhau thông qua chồng là ông Trần Quốc A. Ngày 26/4/2018, ông Đặng Quốc A có nhận của ông Đặng Hoàng P số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt mua Iphone 8 và có viết giấy mua bán với ông Đặng Hoàng P. Số tiền trên, ông Trần Quốc A nhận từ ông Đặng Hoàng P để mua điện thoại cho ông P, đây là việc kinh doanh cá nhân riêng của ông Trần Quốc A và không liên quan đến bà Hoàng Thị H. Đối với Giấy mua bán ngày 26/4/2018 thì xác định chữ ký, chữ viết của ông Trần Quốc A và của bà Hoàng Thị H là đúng. Hiện nay, ông A đã trả cho ông P được 35.500.000 đồng tuy nhiên hiện nay chưa có tài liệu chứng minh số tiền đã trả.

Nay, ông Đặng Hoàng P khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Trần Quốc A trả số tiền còn lại và lãi suất thì ông A và bà H đều xác định đây là khoản nợ riêng do làm ăn của ông A, không liên quan đến bà H. Hiện nay, ông A đang khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc ông A và bà H phải thanh toán cho ông P số tiền gốc là 68.600.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 26/4/2018, ông Đặng Hoàng P ký kết hợp đồng mua bán điện thoại với ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H. Hiện nay, ông P cho rằng ông A

và bà H vi phạm cam kết trong hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất nên Toà án thụ lý vụ án dân sự để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nhưng phiên tòa đã được mở lần thứ hai, dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung: Ngày 26/4/2018, ông Đặng Hoàng P ký hợp đồng đặt mua 10 chiếc điện thoại Iphone 8 nguyên hộp chưa sử dụng với số tiền là 100.000.000 đồng và đã thanh toán đầy đủ số tiền trên, hẹn sẽ giao máy điện thoại trong vòng 30 ngày. Hai bên có làm văn bản và ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H có ký vào giấy mua bán. Hết thời hạn 30 ngày như cam kết thì ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H không giao máy điện thoại như cam kết.

Đến nay, ông A mới chỉ thanh toán được cho ông P một phần tiền gốc nên ông P khởi kiện yêu cầu ông A và bà H trả số tiền gốc còn thiếu và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H đều thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mua bán ngày 26/4/2018 là của ông A và bà H. Tuy nhiên, ông A và bà H cho rằng đây là việc làm ăn của riêng của ông A không liên quan đến bà H nên khoản nợ này là của ông A.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy mua bán ngày 26/4/2018 thể hiện ông Đặng Hoàng P đặt mua 10 chiếc điện thoại Iphone 8 nguyên hộp chưa sử dụng với số tiền 100.000.000 đồng và ông P đã thanh toán số tiền này. Trong giấy mua bán thì ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H đều ký vào. Bà H còn ghi rõ là "Chúng tôi đã nhận đầy đủ số tiền trên". Như vậy, cần xác định việc mua bán này có sự tham gia của cả ông A và bà H.

Tại phần tổng hợp sao khê tài khoản của ông Trần Quốc A thể hiện ông Trần Quốc A đã thanh toán cho ông Đặng Hoàng P tổng cộng 31.400.000 đồng. Tại phiên tòa, ông P cũng đồng ý với số tiền ông A đã thanh toán này.

Hiện nay, ông P yêu cầu ông A và bà H trả số nợ còn thiếu và lãi suất thì cần buộc cả ông A và bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng mua bán thì ông A và bà H chưa đăng ký kết hôn nên cần chia kỹ phần cho mỗi người phải chịu một nửa số tiền nợ.

Về phần yêu cầu số tiền nợ gốc: Ông A và bà H nhận của ông P 100.000.000 đồng, vì vậy cần buộc ông A và bà H phải thanh toán mỗi người 50.000.000 đồng. Đến nay, ông A đã thanh toán cho ông P được 31.400.000 đồng nên được khấu trừ số

tiền này và còn phải tiếp tục thanh toán số tiền gốc là 18.600.000 đồng. Bà H phải thanh toán cho ông P số tiền 50.000.000 đồng.

Về phần yêu cầu lãi suất: Tại giấy mua bán ngày 26/4/2018 thể hiện hai bên thỏa thuận sau 30 ngày sẽ bàn giao máy diện thoại. Tuy nhiên, sau 30 ngày(Tức là ngày 26/5/2018) ông A, bà H vẫn không giao máy điện thoại nên xác định ngày vi phạm hợp đồng là ngày 26/5/2018. Trong hợp đồng không thể hiện thỏa thuận lãi suất khi vi phạm hợp đồng nên cần áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương đương mức lãi suất 10%/1 năm. Tính từ thời điểm vi phạm hợp đồng đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 03 năm 02 tháng 18 ngày. Như vậy số tiền lãi suất ông A phải chịu là 18.600.000 đồng x 03 năm 02 tháng 18 ngày x 10%/1 năm = 5.981.726 đồng. Số tiền lãi suất bà H phải chịu là 50.000.000 đồng x 03 năm 02 tháng 03 ngày x 10%/1 năm = 16.079.908 đồng.

Như vậy, cả gốc và lãi ông Trần Quốc A phải thanh toán là 18.600.000 đồng + 5.981.726 đồng = 24.581.726 đồng; Bà Hoàng Thị H phải thanh toán là 50.000.000 đồng + 16.079.908 đồng = 66.079.908 đồng. Tổng cộng cả ông A và bà H phải thanh toán cho ông P là 90.661.634 đồng.

Về án phí: Ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí DSST theo luật định. Yêu cầu của ông Đặng Hoàng P được chấp nhận nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 288, 430, 433, 434, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Buộc ông Trần Quốc A và bà Hoàng Thị H phải liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Hoàng P 90.661.634 đồng(Chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi mốt ngàn, sáu trăm ba mươi tư đồng) theo hợp đồng mua bán điện thoại ngày 26/4/2018.

Chia kỹ phần, buộc ông Trần Quốc A phải thanh toán cho ông Đặng Hoàng P là 24.581.726 đồng(Hai mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi mốt ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng)(Trong đó tiền gốc là 18.600.000 đồng và lãi suất là 5.981.726 đồng); Buộc bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho ông Đặng Hoàng P 66.079.908 đồng(Sáu mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm linh tám đồng)(Trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất là 16.079.908 đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Quốc A phải chịu 1.229.000 đồng và bà Hoàng Thị H phải chịu 3.303.000 đồng án phí DSST.

Trả lại cho ông Đặng Hoàng P 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001248 ngày 11/01/2021.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự cs mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Huy Long

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Vinh*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu*